

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2020.
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Công Gia**.

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Thượng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Hữu Huỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị D** – sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 1, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn K** – sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 1, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 và được Ủy ban nhân dân xã PT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/2002. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do gia đình chị và gia đình anh K có mâu thuẫn dẫn đến xô xát nhau. Sự việc gia đình hai bên mâu thuẫn nhau đã được chính quyền địa phương giải quyết. Do mâu thuẫn trên nên quan hệ giữa chị và gia đình chồng không tốt, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Do đó, cuộc sống chung vợ

chồng chị không hạnh phúc, tình cảm dần phai nhạt. Từ cuối tháng 5/2019, chị về nhà bố mẹ để sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Tháng 5/2020, anh K làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị đến Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Sau đó, không biết vì sao anh K rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là:

+ Nguyễn Phú V – sinh ngày: 20/9/1995.

+ Nguyễn Ngô Hoàng T – sinh ngày: 06/9/2000.

Hiện tại, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu chia các tài sản chung của chị và anh K gồm quyền sử dụng đất tổng diện tích 16.879,2m² tại các thửa 173, 186, 223, tờ bản đồ số 22 và các thửa 158, 159, 163, 173, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính xã PT do chị và anh Nguyễn Tuấn K đứng tên quyền sử dụng, 01 căn nhà cấp 4 (chiều ngang 08m, chiều dài 26m) tọa lạc trên đất. Đến ngày 31/7/2020, chị đã rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Tuấn K: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh K đến Tòa án làm việc nhưng anh K không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị D đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị D (bản sao); CMND của anh K (photo); Sổ hộ khẩu của chị D và anh K (photo); Đơn xin xác nhận hộ khẩu của anh Nguyễn Tuấn K (bản chính); Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 729710, AK 729711, AK 729714, AK 752962, AK 729593, CD 004032, AK 729716 (photo); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú (bản chính); Bản tự khai ngày 13/7/2020 của chị Ngô Thị D (bản chính); Đơn yêu cầu thu thập chứng cứ ngày 31/7/2020 của chị Ngô Thị D (bản chính); Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 31/7/2020 của chị Ngô Thị D (bản chính).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2020 đối với chị Ngô Thị D; Biên bản xác minh đối với ông Lý Thuần H; Biên bản xác minh đối với bà Nguyễn Thị Y.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị D và anh K đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, cho chị Ngô Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn K.

+ Về con chung: Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị D đã rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh K nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về nợ chung: Chị D kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh K nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Ngô Thị D phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn. Trả lại cho chị D số tiền tạm ứng án phí DSST về yêu cầu chia tài sản chung là 5.950.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 13/7/2020, nguyên đơn chị Ngô Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản khi ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Tuấn K. Ngày 31/7/2020, chị D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn. Anh K đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Ngô Thị D và anh Nguyễn Tuấn K là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị D và anh K.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh K tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào ngày 31/12/2002. Như vậy

hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh K thì Tòa án áp dụng các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn giữa gia đình chị và gia đình anh K không thể hòa giải, ảnh hưởng đến quan hệ hôn nhân của anh chị.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh K đến Tòa án để hòa giải nhưng anh K không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh K không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Tháng 5/2020, anh K đã làm đơn khởi kiện về việc ly hôn với chị D đến Tòa án nhưng sau đó nguyên đơn rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 47 – 48).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị D có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị D là cho chị được ly hôn với anh K là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị D và anh K có 02 con chung là:

- Nguyễn Phú V – sinh ngày: 20/9/1995.
- Nguyễn Ngô Hoàng T – sinh ngày: 06/9/2000.

Hiện tại, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị D yêu cầu chia các tài sản khi ly hôn gồm quyền sử dụng đất tổng diện tích 16.879,2m² tại các thửa 173, 186, 223, tờ bản đồ số 22 và các thửa 158, 159, 163, 173, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính xã PT do chị Ngô Thị D và anh Nguyễn Tuấn K đứng tên quyền sử dụng, 01 căn nhà cấp 04 (chiều ngang 08m, chiều dài 26m) tọa lạc trên đất. Đến ngày 31/7/2020, chị D đã rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị D và quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn Ngô Thị D.

Chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh K nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[5]. Về nợ chung: Chị D kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh K nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[6]. Về án phí:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Ngô Thị D chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự thì trả lại cho chị Ngô Thị D số tiền tạm ứng án phí DSST về yêu cầu chia tài sản chung đã nộp là 5.950.000đ.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị D.
Cho chị Ngô Thị D được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K.

2. Về con chung: Chị D và anh K có 02 con chung là:

- Nguyễn Phú V – sinh ngày: 20/9/1995.
- Nguyễn Ngô Hoàng T – sinh ngày: 06/9/2000.

Hiện tại, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản khi ly hôn của chị Ngô Thị D do chị D rút yêu cầu khởi kiện.

4. Về nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003519 ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Trả lại cho chị Ngô Thị D 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Chị D và anh K có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã PT: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 222, cấp ngày 31/12/2002);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi